

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G- TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS- ST

Ngày 27 tháng 5 năm 2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị H

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đăng Đ
2. Ông Hồ Ngọc A

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế C–Thẩm tra viên- Tòa án nhân dân huyện G

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị H1– Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 40/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST- DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST- DS ngày 22/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971 (sau đây gọi tắt là nguyên đơn) trình bày:

Ngày 13/10/2018 âm lịch chị có cho chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968 (sau đây gọi tắt là bị đơn) là người cùng thôn vay số tiền 50 triệu đồng. Hai bên giao nhận tiền cho nhau xong thì bị đơn viết và ký vào giấy vay tiền với nội dung “13/10/2018 cháu hương đồng vay của bà hương hạnh số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)”. Trong giấy vay tiền không ghi lãi xuất,

không ghi thời hạn vay, hạn trả nhưng hai bên có thỏa thuận miệng với nhau là đến giáp tết năm 2019 âm lịch sẽ trả nợ gốc, còn tiền lãi phải trả theo từng tháng, lãi xuất thỏa thuận là 1,5%/ 1 tháng.

Ngày 13/11/2018 âm lịch chị có ra nhà bị đơn lấy tiền lãi tháng 11. Tổng tiền lãi bị đơn phải trả là 750.000đ, trừ tiền ga chị còn nợ là 250.000đ, bị đơn đưa trả chị 500.000đ tiền mặt. Ngày 05/12/2018 âm lịch khi bị đơn vào giao ga, chị có nhắc bị đơn là sắp phải trả lãi tháng 12. Đến tối ngày 05/12/2018 âm lịch bị đơn ra nhà chị yêu cầu chị mở sổ vay cho xem, sau khi xem xong sổ, thấy khoản vay 50 triệu ngày 13/10/2018 vẫn thể hiện ở trong sổ, giấy tờ vay nợ vẫn còn và chưa bị gạch đi nên bị đơn đưa trả chị 10 triệu tiền gốc và 750.000đ tiền lãi (Trong đó trực tiếp trả 500.000đ, 250.000 trừ tiền bán ga). Sau khi trả xong bị đơn dùng bút gạch chéo vào các nội dung mà mình đã viết trong giấy biên nhận tiền đề ngày 13/10/2018 âm lịch. Đồng thời ghi nhận nợ lại ở ngay phía dưới của giấy biên nhận này với nội dung: *“5/12 âm lịch 2018 cháu Hương Đồng vay của bà Hương Hạnh số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)”*.

Từ ngày 05/12/2018 âm lịch đến nay, bị đơn không trả chị tiền gốc, tiền lãi của khoản vay 40 triệu này, chị đã rất nhiều lần đòi bị đơn nhưng vẫn cố tình không trả. Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả chị số tiền gốc vay là 40 triệu và tiền lãi của số tiền gốc vay 40 triệu tạm tính tính từ ngày 05/12/2018 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm 27/5/2020 dương lịch.

Nguyên đơn còn trình bày thêm: Ngoài khoản vay 50 triệu ngày 13/10/2018 âm lịch, sau này được viết lại thành khoản vay 40 triệu ngày 05/12/2018 âm lịch thì trước đó chị đã nhiều lần cho bị đơn vay tiền vào nhiều thời điểm khác nhau, số tiền vay cũng khác nhau. Khi thanh toán xong tiền gốc và lãi của khoản vay nào hai bên đều tiến hành xé giấy hoặc gạch sổ, khoản nào xong khoản đó. Do vậy, giấy tờ vay nợ của những khoản vay trước ngày 13/10/2018 âm lịch đến nay chị không còn giữ. Kể từ ngày 13/10/2018 âm lịch đến nay thì chị chỉ còn cho bị đơn vay số tiền 50 triệu đồng được thể hiện trong giấy ngày 13/10/2018 âm lịch, sau này được viết lại thành khoản vay 40 triệu ngày 05/12/2018 âm lịch. Chị thừa nhận có nhận của chị Th (S) 20 triệu đồng do bị đơn gửi trả, có trực tiếp nhận nhiều lần với số tiền là 30 triệu do bị đơn trực tiếp đưa cho chị, nhưng thời điểm nhận các khoản tiền này đều diễn ra trước ngày 13/10/2018 âm lịch.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình làm việc tại Tòa án bị đơn chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968 trình bày:

Chị thừa nhận ngày 13/10/2018 âm lịch chị có vay của nguyên đơn số tiền là 50.000.000đ, sau khi nguyên đơn giao tiền cho chị xong, chị là người trực tiếp viết giấy vay tiền với nội dung “13/10/2018 cháu hương đồng vay của bà hương hạnh số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)”, sau đó chị đã ký và ghi rõ họ tên vào mục “người vay “ trong tờ giấy này. Trong giấy vay tiền không ghi rõ hạn vay, hạn trả, không ghi rõ thỏa thuận của các bên về lãi xuất, nhưng chị và nguyên đơn thỏa thuận miệng với nhau là lãi xuất 1,5%/ 1 tháng, thời hạn trả là đến giáp tết năm 2019. Sau khi vay khoản tiền 50 triệu này được khoảng hơn 1 tháng chị đã trả nguyên đơn tiền gốc làm hai lần, lần thứ nhất trả vào ngày nào chị không nhớ, chị là người trực tiếp mang 30 triệu trả cho nguyên đơn. Khi trả tiền chỉ có hai bên không ghi giấy tờ gì, không có ai là người làm chứng. Cùng ngày hôm đó chị gửi chị Th (Chồng là S) cầm hộ 20 triệu và nhờ chị Th mang 20 triệu trả cho nguyên đơn. Bản thân chị Th cũng thừa nhận là có cầm hộ chị 20 triệu để đưa cho nguyên đơn. Việc trả lãi của số tiền gốc vay 50 triệu này làm hai lần vào tháng 11 và tháng 12 âm lịch, mỗi lần chị đưa tiền mặt cho nguyên đơn 500.000đ và trừ tiền bán ga 250.000đ.

Một thời gian sau, nguyên đơn có đưa cho chị xem giấy tờ vay nợ do chị viết ngày 13/10/2018 âm lịch. Chị nhìn thấy tờ giấy, thấy đúng là chữ viết và chữ ký của mình, chưa có phần gạch chéo, nghĩ là chưa trả nên chị đã trả nguyên đơn 10 triệu tiền gốc, 750.000đ tiền lãi. Sau khi trả xong chị là người trực tiếp gạch hai đường kẻ chéo vào nội dung biên nhận mà chị đã viết vào ngày 13/10/2018 âm lịch đồng thời chị viết xuống ngay phía dưới của tờ giấy biên nhận này với nội dung “Ngày 5/12 âm lịch 2018, cháu hương đồng vay của bà hương hạnh số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng)”. Sở dĩ chị ghi như vậy là do nhớ nhầm chứ thực chất là chị đã trả xong khoản vay 50 triệu ngày 13/10/2018 âm lịch cho nguyên đơn rồi. Giữa chị và nguyên đơn không còn nợ khoản tiền nào nữa. Chị chỉ viết là vay 40 triệu của bị đơn nhưng thực chất bị đơn không đưa cho chị vay số tiền 40 triệu đồng này. Chị cũng thừa nhận từ trước đến nay chị có vay của nguyên đơn nhiều lần ở nhiều thời điểm khác nhau, số tiền vay cũng khác nhau, khi nào thanh toán xong hai bên đều tiến hành gạch sổ hoặc xé giấy vay nợ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị trả nốt số tiền gốc vay 40 triệu và tiền lãi chị không đồng ý trả. Thực chất chị còn

trả thừa nguyên đơn 10 triệu và 750.000đ tiền lãi, nhưng chị không yêu cầu nguyên đơn phải trả lại vì không muốn theo kiện mệt mỏi và phức tạp, mất thời gian. Chị yêu cầu nguyên đơn phải trả lại cho chị giấy tờ vay nợ gốc ngày 13/10/2018 âm lịch.

Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của chị Nguyễn Thị Th là người cầm hộ bị đơn số tiền 20 triệu đồng để đưa cho nguyên đơn. Chị Th cũng chỉ xác nhận là có cầm hộ của bị đơn số tiền 20 triệu đồng để giao cho nguyên đơn, tuy nhiên chị Th không nhớ thời điểm cầm hộ tiền là vào năm nào, ngày tháng nào chị cũng không nhớ, khi đưa tiền cũng chỉ biết cầm tiền hộ bị đơn để đưa cho nguyên đơn, chứ không biết nội dung gì khác, không biết về mối quan hệ vay nợ giữa hai bên, cũng không biết gì liên quan đến nội dung vụ việc mà Tòa án đang giải quyết.

Tiến hành ghi lời khai của chị Lại Thị N, chị N xác định tối ngày 17/11/2018 dương lịch có cho bị đơn vay số tiền là 30 triệu đồng, tuy nhiên không biết bị đơn vay tiền để làm gì, không biết gì liên quan đến việc vay nợ và trả nợ giữa nguyên đơn và bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã cho tiến hành đối chất giữa nguyên đơn với bị đơn, giữa nguyên đơn, bị đơn với những người làm chứng nhưng các bên vẫn giữ nguyên lời trình bày của mình.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả số tiền gốc vay là 40 triệu và tiền lãi của số tiền gốc vay là 9.940.000đ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng, đủ theo quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đầy đủ, đúng pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 26, 35, 147, 186, 189, 191, 195, 220, 235, 264, 266 BLTTDS; các Điều 430, 440, 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị HĐXX:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn **40.000.000đ** tiền gốc và **9.940.000đ** tiền lãi. Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả nguyên đơn là **49.940.000đ**.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu 2.497.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền là 1.150.000đ đã nộp tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Bá H4 và chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971; anh Nguyễn Bá Đ và chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968 đều thừa nhận: việc vay nợ số tiền 50 triệu thể hiện trong giấy vay nợ ngày 13/10/2018 âm lịch và nội dung ghi nhận nợ số tiền 40 triệu vào ngày 05/12/2018 âm lịch là việc riêng giữa nguyên đơn và bị đơn, anh H4, anh Đ không biết và không tham gia vào giao dịch này. Do vậy, Tòa án không đưa anh H4, anh Đ vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Xét thấy cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, ngày 13/10/2018 âm lịch nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền là 50 triệu đồng, lãi xuất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 1,5%/ 1 tháng, thời hạn trả là giáp tết năm 2019 âm lịch, đối với khoản vay này bị đơn đã trả lãi được hai tháng vào tháng 11 và tháng 12 âm lịch. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án công nhận lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về các vấn đề nêu trên là sự thật.

Về quá trình trả nợ: Nguyên đơn trình bày, ngày 05/12/2018 âm lịch bị đơn có trả cho nguyên đơn 10 triệu tiền gốc và tiền lãi tháng 12 âm lịch của khoản tiền vay 50 triệu nêu trên, sau khi trả bị đơn là người trực tiếp xóa nội dung nhận nợ ghi vào ngày 13/10/2018 âm lịch và ghi lại nội dung nhận nợ là 40 triệu đồng, thời điểm vay nợ bắt đầu tính từ ngày 05/12/2018 âm lịch. Bị đơn thừa nhận nội dung này của nguyên đơn, nhưng cho rằng bị đơn trả 10 triệu tiền gốc và tiền lãi tháng 12 là trả thừa, thực chất bị đơn đã trả tiền lãi tháng 11 và tiền gốc vay 50 triệu của khoản vay ngày 13/10/2018 âm lịch trước đó. Bị đơn nhớ nhầm nên mới trả thừa và ghi nhận nợ như vậy. Xét tính khách quan trong lời trình bày của nguyên đơn thì thấy: Thực tế cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận từ trước giữa họ có tồn tại quan hệ cho nhau vay rất nhiều lần, với số tiền vay khác nhau, thời điểm vay khác nhau. Khi nào trả nợ xong thì hai bên đều xé giấy vay nợ hoặc gạch sổ. Do vậy khi nguyên đơn đưa giấy vay nợ cho bị đơn xem, thấy khoản nợ chưa được gạch bị đơn đã thanh toán một phần tiền gốc, tiền lãi ngay đồng thời tự tay mình gạch sổ, ghi lại nội dung nhận nợ. Lời trình bày này của nguyên đơn là khách quan, lo gic và có cơ sở chấp nhận.

Việc bị đơn lý giải là do nhớ nhầm nên mới ghi như vậy, tuy nhiên nếu theo như lời trình bày của bị đơn, khoảng thời gian từ khi trả xong tiền gốc 30

triệu và 20 triệu gửi nhà Th S cho đến ngày 05/12/2018 âm lịch là rất ngắn, bản thân bị đơn cũng thừa nhận ngoài khoản vay ngày 13/10/2018 âm lịch thì các khoản vay trước đó bị đơn đã thanh toán xong không còn khoản nào khác; đối với một số tiền tương đối lớn, việc trình bày là nhớ nhầm giữa trả rồi và chưa trả là không có cơ sở chấp nhận.

Mặt khác bị đơn cho rằng mình đã trả nợ khoản vay 50 triệu làm hai lần, một lần trực tiếp đưa cho nguyên đơn 30 triệu, một lần gửi nhà chị Th 20 triệu để chị Th đưa hộ cho nguyên đơn, nhưng bị đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, không nhớ được ngày tháng trả chính xác là ngày nào, nguyên đơn và người làm chứng là chị Th cũng không thừa nhận vấn đề này. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận việc bị đơn cho rằng đã trả xong nợ gốc và nợ lãi của khoản tiền vay 50 triệu ngày 13/10/2018 âm lịch.

Xét thấy nguyên đơn đã đưa ra được chứng cứ tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy nhận nợ gốc ghi ngày 05/12/2018 âm lịch, bị đơn không đưa ra được chứng cứ tài liệu chứng minh là mình đã trả xong nợ gốc, do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

Về lãi xuất: Hai bên đều thừa nhận lãi xuất các bên thỏa thuận ngoài với nhau là 1,5%/ 1 tháng và thực tế các bên đã trả tiền lãi cho nhau theo mức lãi xuất này, thỏa thuận về lãi xuất của các bên phù hợp với Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên được chấp nhận. Từ ngày 05/12/2018 âm lịch (Tức 10/01/2019 dương lịch) bị đơn chưa trả tiền lãi của số tiền gốc vay 40.000.000đ cho nguyên đơn nên phải chịu tiền lãi theo mức lãi xuất 1,5%/ tháng tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 27/5/2019 theo điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự. Số tiền lãi được tính cụ thể như sau: $40.000.000đ \times 1,5\% / 1 \text{ tháng} \times (16 \text{ tháng} + 17 \text{ ngày}) = 9.940.000đ$.

[3] *Về án phí:* Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 91, 92, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 429, 463, 466, và 468, 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971.

2. Buộc chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968 phải trả cho chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971 tổng số tiền là **49.940.000đ** (Trong đó tiền gốc vay là 40.000.000đ theo giấy nhận nợ ngày 05/12/2018 âm lịch và tiền lãi của số tiền gốc vay nêu trên là 9.940.000đ).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị H3, sinh năm 1968 phải chịu 2.497.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1971 số tiền 1.150.000đ đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số AA/2015/0001705 ngày 22/10/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS huyện G;
- VKS tỉnh Bắc Ninh
- Các đương sự;
- Thi hành án (án có HLPL);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị H